

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Thực hiện Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2411/TTr-SLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh của Quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận như sau:

“1. Mức đóng góp:

a) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, các dịch vụ kỹ thuật y tế theo chỉ định của Bác sỹ kể các xét nghiệm HIV/AIDS: 200.000 đồng/người/lần.

b) Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và các bệnh thông thường: 300.000 đồng/người/năm.

c) Tiền ăn: 50.000 đồng/người/ngày (tương đương 01 lần mức lương cơ sở/ngày); tiền ăn trong các ngày Lễ, Tết Dương lịch 100.000 đồng/người/ngày (bằng 02 lần tiêu chuẩn ngày bình thường) và tiền ăn trong các ngày Tết Nguyên đán: 150.000 đồng/người/ngày (bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày bình thường).

d) Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: 1.490.000 đồng/người/năm/lần (tương đương với 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng).

đ) Tiền sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí: 250.000 đồng/người/năm/lần.

e) Chi phí học văn hóa, học nghề, rèn luyện kỹ năng, giáo dục điều chỉnh hành vi nhân cách: 2.500.000 đồng/người/năm.

g) Chi phí điện, nước sinh hoạt, chất đốt, vệ sinh môi trường: 161.000 đồng/người/tháng.

h) Chi phí quản lý, phục vụ, bảo vệ: 9.210.000 đồng/người/năm (tương đương bằng 3 lần theo mức lương tối thiểu vùng).

i) Đóng góp sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất, khấu hao, hao mòn tài sản: 2.925.000 đồng/người/năm/lần.

Các mức đóng góp chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện tính theo lương cơ sở, lương tối thiểu vùng. Mức đóng góp chi phí cai nghiện sẽ thay đổi, điều chỉnh khi mức lương cơ sở hoặc lương tối thiểu vùng có sự thay đổi, điều chỉnh”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế cụm từ tại điểm b khoản 2 Điều 2; điểm c khoản 2 Điều 1; điểm b, c khoản 2 Điều 2 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh Quy định mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận như sau:

1. Bổ sung cụm từ “tại khoản 1 Điều này” vào cuối điểm b khoản 2 Điều 2.

2. Thay thế cụm từ “có hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “thường trú” tại điểm c khoản 2 Điều 1 và điểm b, c khoản 2 Điều 2.

3. Thay thế cụm từ “Hộ có thu nhập trung bình” bằng cụm từ “Hộ gia đình có mức sống trung bình” tại điểm b, c khoản 2 Điều 2.

Điều 3. Thủ tục và thẩm quyền xét duyệt hồ sơ:

1. Thủ tục, hồ sơ xét duyệt ngân sách nhà nước bảo đảm hỗ trợ:

a) Quyết định tiếp nhận đối tượng vào điều trị - cai nghiện ma túy của Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận, theo mẫu quy định của thủ tục hành chính về tiếp nhận người vào điều trị - cai nghiện ma túy tự nguyện.

b) Các đối tượng thuộc diện hộ gia đình chính sách theo pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên: có Giấy xác nhận của Phòng Lao động – Thương binh và xã hội cấp huyện theo mẫu quy định.

c) Các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng Bảo trợ xã hội: có Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã, phường, thị trấn cấp hoặc quyết định hưởng trợ cấp tại cộng đồng đối với đối tượng Bảo trợ xã hội (bản sao có công chứng, chứng thực).

d) Các đối tượng thuộc diện Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa: có Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn theo quy định.

đ) Đối tượng là người bị nhiễm HIV/AIDS: có phiếu xét nghiệm bị nhiễm HIV/AIDS của các cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền xét nghiệm HIV/AIDS (bản sao có công chứng, chứng thực).

e) Đối tượng là trẻ em dưới 16 tuổi: có Giấy khai sinh (Bản sao).

g) Các đối tượng thuộc hộ gia đình có mức sống trung bình phải có Giấy xác nhận hộ gia đình có mức sống trung bình do UBND xã, phường, thị trấn cấp theo quy định (bản chính).

2. Trách nhiệm về thực hiện cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và xã hội; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thực hiện cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận theo đúng các mẫu quy định cho các nhóm đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập để làm thủ tục xét hồ trợ chi phí cai nghiện theo quy định tại Quyết định này.

b) Học viên và gia đình có trách nhiệm nộp đầy đủ, kịp thời các loại giấy tờ, hồ sơ về Cơ sở Cai nghiện ma túy công lập để thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định.

3. Thẩm quyền và thủ tục xét duyệt giải quyết chế độ ngân sách bảo đảm, hỗ trợ:

Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh căn cứ hồ sơ của các nhóm đối tượng được ngân sách bảo đảm và hỗ trợ theo quy định quyết định hỗ trợ. Tổng

hợp nhu cầu dự toán kinh phí gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí cho Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh thực hiện và quyết toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chỉ đạo Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí miễn, giảm cho các đối tượng được ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán và phân bổ kinh phí; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

c) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh quy định về hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền xét duyệt hỗ trợ theo quy định.

2. Sở Tài chính: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ theo quy định. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày tháng năm 2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông (Sở Thông tin và Truyền thông);
- VPUB: LĐ, CV;
- Lưu: VT, VXNV. NVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên